

Số:2295/BC-BYT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 29/12/2021 đến 16h00 ngày 30/12/2021)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay gần 285 triệu ca, hơn 5,4 triệu ca tử vong. Từ ngày 22 đến 28/12, trung bình có gần 900.000 ca mắc mới ghi nhận mỗi ngày trên khắp thế giới. Riêng tại Mỹ, tính trung bình 7 ngày qua, số ca mắc mới hàng ngày đã đạt mức cao kỷ lục 258.312 ca, kỷ lục trước đó là 250.141 ca ghi nhận vào đầu tháng 1 năm nay.

Ngày 29/12, Anh ghi nhận 183.037 ca mắc COVID-19 mới, đây là kỷ lục mới về các ca nhiễm bệnh hàng ngày được ghi nhận tại nước này. Theo dữ liệu mới nhất từ Cơ quan An ninh y tế Vương quốc Anh (UKHSA), hơn 90% ca nhiễm cộng đồng ở Anh là do biến thể Omicron.

Tại Pháp, ngày 29/12 ghi nhận ca mắc cao kỷ lục với 208.000 trường hợp, kỷ lục gần nhất được xác lập trước đó một ngày với 180.000 ca nhiễm. Pháp là quốc gia có số ca mắc mới trong ngày cao nhất mà châu Âu từng chứng kiến kể từ khi đại dịch bùng phát; với tốc độ hiện tại, cứ mỗi giây lại có 2 người ở Pháp cho kết quả dương tính với COVID-19.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 30/12/2021, cả nước ghi nhận 1.714.742 ca mắc, trong đó 1.710.612 ca trong nước. Đến nay đã có 1.336.644 người khỏi bệnh, 31.877 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.711.890 ca, trong đó có 1.709.042 ca trong nước (99,8%), 1.333.827 người đã khỏi bệnh (77,9%), 31.842 tử vong tại 51 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 17.000 ca mắc mới, trong đó 16.980 ca ghi nhận trong nước (tăng 3.107 ca so với ngày trước đó) tại 61 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (1.866), Cà Mau (1.008), Tây Ninh (935), Hải Phòng (838), Khánh Hòa (788), Bình Phước (759), Hồ Chí Minh (697), Bạc Liêu (666), Bình Định (620), Đồng Tháp (590), Vĩnh Long (586), Trà Vinh (579), Lâm Đồng (477), Thừa Thiên Huế (439), Hải Dương (299), Bắc Ninh (289), Phú Yên (289), Cần Thơ (287), Bình Thuận (277), An Giang (262), Quảng Nam (233), Hưng Yên (211), Tiền Giang (203), Kiên Giang (203), Bến Tre (196), Đà Nẵng (185), Thanh Hóa (182), Bà Rịa - Vũng Tàu (180), Sóc Trăng (180), Quảng Ninh (165), Đồng Nai (160), Hà Giang (160), Ninh Bình (160), Gia Lai (155), Hậu Giang (153), Quảng Ngãi (141), Sơn La (129), Nghệ An (123), Phú Thọ (104), Lạng Sơn (103),

Nam Định (102), Đắk Nông (100), Hà Nam (98), Vĩnh Phúc (96), Bình Dương (96), Đắk Lắk (69), Quảng Trị (59), Cao Bằng (58), Thái Bình (58), Ninh Thuận (57), Long An (53), Thái Nguyên (50), Hòa Bình (47), Bắc Giang (46), Lào Cai (44), Tuyên Quang (21), Điện Biên (17), Yên Bái (14), Quảng Bình (13), Lai Châu (4), Bắc Kạn (1).

+ 20 ca nhập cảnh ghi nhận tại Tây Ninh (12), Thanh Hóa (2), Quảng Trị (2), Quảng Nam (2), Hà Nam (1), Hồ Chí Minh (1).

- Trong ngày, tỉnh Cà Mau báo cáo bổ sung 2.868 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 sau khi điều tra đầy đủ thông tin.

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.866 ca mắc, trong đó 390 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 1.118 ca tầm soát trong cộng đồng, 241 ca trong khu cách ly và 117 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (1.866 ca) được phân bố tại 28 quận, huyện như sau: Hai Bà Trưng 276, Hoàn Kiếm 209, Thanh Trì 194, Đống Đa 175, Nam Từ Liêm 117, Long Biên 100, Ba Đình 97, Tây Hồ 95, Hà Đông 94, Hoàng Mai 72, Bắc Từ Liêm 60, Thường Tín 56, Đông Anh 48, Ba Vì 42, Cầu Giấy 40, Gia Lâm 37, Ứng Hòa 30, Thanh Xuân 23, Đan Phượng 22, Mê Linh 20, Sóc Sơn 11, Chương Mỹ 9, Phúc Thọ 7, Thị xã Sơn Tây 7, Hoài Đức 7, Thạch Thất 4, Mỹ Đức 3, Thanh Oai 3, Phú Xuyên 1 và 6 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Phú Yên (giảm 397), Vĩnh Long (giảm 331), Đắk Lắk (giảm 144).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Cà Mau (tăng 973), Bình Phước (tăng 704), Hải Phòng (tăng 567).

- Có 1/63 tỉnh (Bắc Kạn) không có lây nhiễm thứ phát trên địa bàn trong 14 ngày qua.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 11.404 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 67,2% tổng số mắc trong ngày), tăng 2.551 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Cà Mau: Trong ngày ghi nhận 695 ca cộng đồng (tăng 678 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 36.585 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.508 ca cộng đồng (tăng 525 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 43.924 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 149 ca cộng đồng (tăng 5 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 11.035 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 95 ca cộng đồng (tăng 34 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 29.703 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 2.968 ca, Vĩnh Long tăng 1.082 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Cà Mau (giảm 4.303 ca), Bến Tre (giảm 3.865 ca), TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.601 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.333.827 người đã khỏi bệnh (77,9%), tăng 34.102 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 346.221 trường hợp, trong đó có 7.336 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.484; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 1.198; (3) Thở máy không xâm lấn: 165; (4) Thở máy xâm lấn: 799; (5) EMO: 19.

Trong ngày 29/12, ghi nhận 245 trường hợp tử vong (tăng 31 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (40) trong đó có 3 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: Đồng Nai (1), Long An (1), Bình Dương (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (28), Đồng Nai (21), Đồng Tháp (15), Tiền Giang (15), Bình Dương (14), Vĩnh Long (14), Cà Mau (14), Cần Thơ (13), Hà Nội (11), Tây Ninh (11), Kiên Giang (11), Bà Rịa - Vũng Tàu (11), Khánh Hòa (5), Bạc Liêu (4), Trà Vinh (3), Bình Thuận (3), Long An (3), Đắk Lắk (2), Hậu Giang (2), Bắc Ninh (1), Quảng Nam (1), Bình Định (1), Phú Yên (1), Đà Nẵng (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ngày 30/12, Bộ Y tế tổ chức Hội nghị trực tuyến phổ biến nội dung của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP về Quản lý trang thiết bị y tế. Hội nghị kết nối đến hơn 1.000 điểm cầu trên cả nước.

- Bộ Y tế xây dựng Công điện của Chính phủ về Về tăng cường phòng, chống dịch COVID-19 trước biến thể mới (Omicron) trong dịp Tết Dương lịch 2022.

- Bộ Y tế xây dựng kế hoạch bảo đảm công tác y tế, phòng chống dịch bệnh COVID-19 phục vụ kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khoá XV.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường tiêm vaccine phòng COVID-19, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine phòng COVID-19 đảm bảo tiêm đủ liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên; rà soát không bỏ sót đối tượng tiêm chủng và tổ chức tiêm vét cho tất cả người dân có đủ điều kiện tiêm chủng được tiêm đủ liều vaccine.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 29/12/2021, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 35.865.876 mẫu cho 78.384.978 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 30.221.374 mẫu tương đương 74.637.039 lượt người, tăng 112.881 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.680.962 mẫu gộp cho 47.231.369 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 29/12/2021, Việt Nam đã tiếp nhận 192.002.218 liều, cụ thể:

* Theo loại vắc xin:

+ Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều

+ Vắc xin Pfizer và Moderna: 76.874.340 liều

+ Vắc xin Sinopharm: 48.761.200 liều

+ Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều

+ Sputnik V: 1.508.998 liều

* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 96.919.280 liều

+ 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.

+ 41.519.280/51.000.000 liều vắc xin mua của PfiZer.

+ 20.000.000/20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm

- + 5.000.000 /5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.

Trong tổng số 192 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 112 đợt với tổng số 175,1 triệu liều, còn khoảng 17 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 29/12/2021, cả nước đã tiêm được 149.318.658 liều (trong ngày tiêm được 1.070.466 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 85,3% số vắc xin phân bổ 112 đợt.

Các địa phương, đơn vị đang nỗ lực triển khai tiêm chủng để đạt được độ bao phủ mũi 1 cho những đối tượng trong độ tuổi chỉ định tiêm chủng trong năm 2021, trả mũi 2 cho những người đã tiêm mũi 1 đủ thời gian và bắt đầu triển khai tiêm liều bổ sung, liều nhắc lại.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 137.305.579 liều, trong đó có 69.970.003 mũi 1; 63.287.656 mũi 2; 1.171.258 mũi 3 (đối với vắc xin Abdala); 994.301 liều bổ sung và 1.882.361 liều nhắc lại. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 99,4% và tỷ lệ tiêm đủ 02 liều vắc xin là 89,9% dân số từ 18 tuổi trở lên. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 96,1% và 86,8%; miền Trung là 96,8% và 88,2%; Tây Nguyên là 96,8% và 82,6%; miền Nam là 100% và 92,6%.

Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 40/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 95%

+ 14/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ từ 90-95%

+ 09/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ dưới 90% là Quảng Bình (85,3%), Hưng Yên (86,7%), Lạng Sơn (87,3%), Cao Bằng (88,5%), Nam Định (88,6%), Cà Mau (88,6%), Tây Ninh (88,7%), Lai Châu (88,9%) và Hà Tĩnh (89,0%).

Tỷ lệ bao phủ đủ liều vắc xin cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 31/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 90%

+ 20/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều từ 80 – dưới 90% ;

+ 12/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều dưới 80%, trong đó 5 tỉnh có tỷ lệ bao phủ thấp nhất là Sơn La (68,3%), Hải Dương (73,9%), Thái Nguyên (75,7%), Cao Bằng (76,0%) và Gia Lai (76,2%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm được 12.013.079 liều, trong đó có 7.548.180 mũi 1 và 4.464.899 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 83,0% và tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều vắc xin là 49,1% dân số từ 12 -17 tuổi. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 78,0% và 37,9%; miền Trung là 75,2% và 36,4%, Tây Nguyên là 86,2% và 18,8%, Miền Nam là 91,5% và 72,0%.

Các tỉnh thành phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Tây Ninh, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 29/12/2021, cả nước đã truy vết được 1.299.726 trường hợp F1, trong đó có 1.034.665 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Hoạt động của các địa phương:

1. TP. Hà Nội: Xây dựng kịch bản mới, dựa trên tỷ lệ chuyển tầng điều trị, tử vong, không để quá tải ở tầng điều trị 2,3. Các quận huyện thị xã tiến hành xây dựng

kịch bản mới phù hợp với tình hình hiện tại; các đơn vị cũng cần rà soát các địa bàn nguy cơ cao như khu cụm công nghiệp, làng nghề, công trình xây dựng lớn, chợ, trường học, thường xuyên kiểm tra xử phạt nghiêm vi phạm.

2. TP. Hồ Chí Minh: Triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong kỳ nghỉ Tết Dương lịch năm 2022. Theo đó, ngành y tế thành phố, các lực lượng tham gia phòng, chống dịch đảm bảo 100% quân số trong các ngày nghỉ để thực hiện công tác phòng, chống dịch.

X. Nhận định

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Trong ngày, số ca mắc cộng đồng tăng hơn 2.500 ca so với ngày hôm trước tại 33 tỉnh, thành phố. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng chống dịch nhất là giám sát phát hiện sớm, tổ chức thu dung, điều trị giảm bệnh nặng, tử vong, tiêm chủng vắc xin; quản lý rủi ro, đặc biệt là nhóm nguy cơ, có bệnh nền chưa được tiêm đầy đủ vắc xin.

XI. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương: (i) Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các nguyên lý, biện pháp, công thức, phương châm phòng chống dịch với 3 trụ cột (cách ly, xét nghiệm, điều trị) và công thức “5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác”; (ii) không tổ chức các hoạt động tập trung đông người, nhất là dịp lễ Giáng sinh và Tết Dương lịch 2022; (iii) đẩy mạnh tiến độ tiêm vắc xin tại địa phương khi đã được cung cấp đầy đủ vắc xin, bảo đảm tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Y tế; (iv) tiếp tục huy động sự tham gia của cộng đồng, tình nguyện viên trong hỗ trợ tư vấn, chăm sóc, theo dõi người bệnh; (v) tăng cường áp dụng các biện pháp công nghệ để quản lý ca bệnh và điều hành, quản lý dịch bệnh.

2. Về công tác y tế: (i) Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trong nước; bám sát diễn biến dịch của biến chủng Omicron; (ii) chủ động triển khai thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, BCSĐ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có chỉ đạo về Chương trình tổng thể trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 và việc mua, tiêm vắc xin cho trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi; (iii) thực hiện việc mua, phân bổ vắc xin kịp thời cho các địa phương; hướng dẫn tiêm an toàn, khoa học, hợp lý, hiệu quả, chú trọng tiến độ tiêm vắc xin trong đó chú ý đến việc tiêm mũi 3 và đảm bảo an toàn khi thực hiện tiêm nhắc lại đối với trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; (iv) dự trữ, phân bổ đủ thuốc điều trị COVID-19, hướng dẫn tổ chức cấp phát thuốc cho người nhiễm vi rút để được điều trị sớm; (v) khẩn trương tiến hành các nội dung trong việc xây dựng kế hoạch mua sắm tập trung trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao theo đúng quy định; (vi) chỉ đạo tăng cường nguồn ô xy phục vụ công tác điều trị; (vii) tăng cường tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn để phát hiện, sàng lọc, điều trị ban đầu, điều trị sớm các trường hợp F0 tại cơ sở, tại nhà; (viii) rà soát, điều chỉnh thời gian cách ly y tế đối với người nhập cảnh cho người phù hợp với diễn biến dịch bệnh.

3. Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm trong đấu thầu, mua sắm thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khoa học, tránh lãng phí, thất thoát, tiêu cực. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về phòng, chống dịch.

4. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách về an sinh xã hội; nghiên cứu, đề xuất ban hành các chế độ, chính sách hỗ trợ đội ngũ tuyến đầu chống dịch, nhất là đối với các y, bác sỹ và các đối tượng khác nhân dịp Tết năm 2022.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; mở lại có lộ trình các đường bay quốc tế, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch, nhất là trước nguy cơ xâm nhập và lây lan của biến chủng mới.

6. Tiếp tục triển khai các giải pháp về tài chính, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ địa phương sử dụng nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch. Chủ động xây dựng kế hoạch bảo đảm kinh phí phòng, chống dịch cho năm 2022.

7. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác dân vận, nắm chắc tình hình tại cơ sở để tham mưu cấp ủy, chính quyền triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, tạo điều kiện để nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống và đón Tết năm 2022. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai các hoạt động huy động tình nguyện viên, tổ chức tôn giáo...tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tại các địa phương.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để người dân không lơ là, chủ quan; tự giác, tích cực tham gia phòng, chống dịch, chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân, gia đình và cộng đồng. Đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống dịch trong dịp nghỉ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán 2022; cung cấp kịp thời các thông tin về biến chủng mới của SARS-CoV-2.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 29/12	Số mắc ngày 30/12	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 30/12	Số tử vong tích lũy đến 29/12
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		13.873	16.979	3106	1.708.785	31.842
1	Hồ Chí Minh	702	697	-5	502.687	19.800
2	Bình Dương	119	96	-23	290.564	3.177
3	Đồng Nai	213	160	-53	97.540	1.320
4	Tây Ninh	938	935	-3	74.333	625
5	Đồng Tháp	595	590	-5	43.611	538
6	Hà Nội	1766	1.866	100	43.924	120
7	Cần Thơ	137	287	150	40.575	566
8	Long An	59	53	-6	40.297	811
9	Cà Mau	35	1.008	973	36.585	157
10	Tiền Giang	214	203	-11	33.473	906
11	Khánh Hòa	793	788	-5	32.206	164
12	An Giang	172	262	90	32.165	943
13	Vĩnh Long	917	586	-331	31.036	316
14	Sóc Trăng	200	180	-20	29.743	308
15	Kiên Giang	185	203	18	29.703	510
16	Bạc Liêu	593	666	73	29.297	241
17	BRVT	52	180	128	26.168	158
18	Bình Thuận	159	277	118	25.683	275
19	Bến Tre	92	196	104	25.443	173
20	Bình Phước	55	759	704	21.064	54
21	Trà Vinh	337	579	242	20.703	120
22	Bình Định	432	620	188	15.325	54
23	T.T.Huế	390	439	49	12.925	12
24	Hậu Giang	132	153	21	12.519	42
25	Đắc Lắc	213	69	-144	11.351	63
26	Bắc Ninh	263	289	26	11.194	17
27	Đà Nẵng	180	185	5	11.035	78
28	Lâm Đồng	347	477	130	9.177	22
29	Hải Phòng	271	838	567	8.274	8
30	Thanh Hóa	206	182	-24	7.859	11
31	Bắc Giang	81	46	-35	7.785	14
32	Nghệ An	88	123	35	7.658	34
33	Phú Yên	686	289	-397	7.280	44
34	Hà Giang	174	160	-14	7.220	6
35	Gia Lai	128	155	27	6.991	15
36	Quảng Nam	291	233	-58	5.958	16
37	Ninh Thuận	57	57	0	5.709	51
38	Quảng Ngãi	119	141	22	5.625	23
39	Hưng Yên	249	211	-38	4.926	2
40	Đắc Nông	120	100	-20	4.911	12
41	Quảng Bình	31	13	-18	3.567	7
42	Nam Định	85	102	17	3.323	1
43	Quảng Ninh	158	165	7	3.154	1
44	Phú Thọ	51	104	53	3.050	3
45	Vĩnh Phúc	98	96	-2	2.952	6

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 29/12	Số mắc ngày 30/12	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 30/12	Số tử vong tích lũy đến 29/12
46	Hải Dương	0	299	299	2.778	1
47	Thái Bình	42	58	16	2.607	
48	Hà Nam	92	98	6	2.377	
49	Quảng Trị	106	59	-47	2.115	2
50	Thái Nguyên	54	50	-4	1.747	
51	Lạng Sơn	0	103	103	1.583	6
52	Hà Tĩnh	12	-	-12	1.531	5
53	Hòa Bình	52	47	-5	1.394	3
54	Sơn La	58	129	71	1.142	
55	Tuyên Quang	37	21	-16	1.040	
56	Kon Tum	40	-	-40	924	
57	Ninh Bình	120	160	40	714	
58	Điện Biên	7	17	10	575	
59	Yên Bái	21	14	-7	542	
60	Lào Cai	37	44	7	527	
61	Cao Bằng	7	58	51	516	1
62	Lai Châu	5	4	-1	105	
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:		0	1	1	55	0
1	Bắc Kạn	0	1	1	55	
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	13.873	16.980	3.107	1.709.042	31.842

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 29/12/2021)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 112 đợt
1	Hà Nội	15.641.202	6.119.261	5.818.073	0	145.458	96.380	677.656	444.332	13.301.160	85,0%
2	Hải Phòng	3.510.570	1.641.420	1.411.406	0	2	920	147.805	25.028	3.226.581	91,9%
3	Thái Bình	2.615.010	1.142.167	1.080.687	87.680	48.928	41.244	147.954	109.759	2.658.419	101,7%
4	Nam Định	2.577.520	1.128.036	1.083.115	0	0	442	53.953	1	2.265.547	87,9%
5	Hà Nam	1.490.330	576.299	561.667	0	3.648	2.998	70.788	67.100	1.282.500	86,1%
6	Ninh Bình	1.423.950	636.194	622.073	0	0	6.938	82.166	76.878	1.424.249	100,0%
7	Thanh Hoá	6.099.300	2.386.729	2.150.181	168.432	0	0	244.562	2.414	4.952.318	81,2%
8	Bắc Giang	3.086.140	1.271.301	1.118.956	0	40.310	30.780	142.494	71.943	2.675.784	86,7%
9	Bắc Ninh	2.521.660	1.109.177	1.046.206	0	7.747	31.257	114.617	102.621	2.411.625	95,6%
10	Phú Thọ	2.019.230	963.166	858.713	0	3.595	1.116	124.342	62.844	2.013.776	99,7%
11	Vĩnh Phúc	1.952.830	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	78,6%
12	Hải Dương	2.994.560	1.209.032	970.040	0	0	29.182	64.341	16	2.272.611	75,9%
13	Hưng Yên	1.978.902	811.041	764.245	0	0	1.408	105.335	75.515	1.757.544	88,8%
14	Thái Nguyên	2.118.320	916.169	710.880	6.956	19.056	35.426	104.690	2	1.793.179	84,7%
15	Bắc Cạn	514.070	205.611	178.459	0	0	0	19.795	2.021	405.886	79,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt
16	Quảng Ninh	2.625.718	972.181	917.070	0	0	32.139	119.421	110.336	2.151.147	81,9%
17	Hoà Bình	1.312.240	523.407	448.884	0	0	0	73.751	29.506	1.075.548	82,0%
18	Nghệ An	5.034.440	1.926.769	1.776.961	421.763	21.240	125.506	281.138	8.218	4.561.595	90,6%
19	Hà Tĩnh	2.006.830	794.099	688.571	0	78.936	66.266	111.542	29.943	1.769.357	88,2%
20	Lai Châu	672.970	251.157	236.752	0	5.039	17.321	50.063	43.638	603.970	89,7%
21	Lạng Sơn	1.312.540	487.397	474.225	0	0	31.226	65.513	61.211	1.119.572	85,3%
22	Tuyên Quang	1.283.540	549.791	452.293	0	0	19.855	1.399	27.208	1.050.546	81,8%
23	Hà Giang	1.438.650	471.421	414.747	0	0	7.943	80.353	38.761	1.013.225	70,4%
24	Cao Bằng	767.340	326.471	280.419	0	358	17.147	42.762	35.930	703.087	91,6%
25	Yên Bái	1.273.780	496.752	476.103	0	0	0	76.206	50.646	1.099.707	86,3%
26	Lào Cai	1.228.920	497.952	411.177	0	5.797	17.731	27.795	63.482	1.023.934	83,3%
27	Sơn La	1.562.870	757.702	541.414	506	0	12.266	85.790	29.877	1.427.555	91,3%
28	Điện Biên	849.720	326.471	266.092	0	0	0	57.119	1.334	651.016	76,6%
Cộng miền Bắc		71.913.152	29.281.427	26.452.601	685.337	380.114	625.491	3.229.656	1.570.831	62.225.457	86,5%
29	Quảng Bình	1.210.710	522.149	485.611	0	0	0	62.237	11.292	1.081.289	89,3%
30	Quảng Trị	1.031.272	424.222	395.542	8.282	3.894	1.374	29.975	8.039	871.328	84,5%
31	TT- Huế	1.913.436	774.934	714.380	0	7.651	6.717	101.058	85.380	1.690.120	88,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt
32	Tp. Đà Nẵng	1.977.212	857.930	803.105	0	467	0	99.869	96.182	1.857.553	93,9%
33	Quảng Nam	2.645.380	1.026.867	953.308	28.204	0	624	100.470	99	2.109.572	79,7%
34	Quảng Ngãi	1.961.734	823.356	738.161	0	0	0	70.916	519	1.632.952	83,2%
35	Bình Định	2.492.300	1.028.587	887.013	20.178	2	2.144	86.110	9	2.024.043	81,2%
36	Phú Yên	1.441.394	613.861	560.171	0	0	0	82.067	23.826	1.279.925	88,8%
37	Khánh Hòa	2.409.390	954.996	908.593	0	11.310	21.248	113.944	105.799	2.115.890	87,8%
38	Ninh Thuận	1.097.590	427.488	386.579	0	18.827	22.566	58.183	49.477	963.120	87,7%
39	Bình Thuận	2.252.440	909.769	786.658	0	0	4.872	53.476	35.028	1.789.803	79,5%
Cộng miền Trung		20.432.858	8.364.159	7.619.121	56.664	42.151	59.545	858.305	415.650	17.415.595	85,2%
40	Kon Tum	834.830	318.813	279.064	934	0	0	47.874	2.585	649.270	77,8%
41	Gia Lai	2.357.212	919.799	723.872	46.649	0	1.028	148.027	38.738	1.878.113	79,7%
42	Đắk Lắk	2.945.840	1.223.716	1.051.765	0	0	0	166.941	1.233	2.443.655	83,0%
43	Đắk Nông	1.010.820	399.840	387.578	0	0	0	67.401	51.453	906.272	89,7%
Cộng Tây Nguyên		7.148.702	2.862.168	2.442.279	47.583	0	1.028	430.243	94.009	5.877.310	82,2%
44	TP. HCM	18.221.350	7.387.922	6.527.494	0	230.188	620.179	675.804	619.983	16.061.570	88,1%
45	BR-VT	2.367.180	960.025	859.378	0	0	172	108.416	47.853	1.975.844	83,5%
46	Đồng Nai	5.770.900	2.711.218	2.311.594	0	0	18.571	176.220	126.759	5.344.362	92,6%
47	Tiền Giang	3.469.060	1.303.389	1.247.648	135.982	19.294	42.535	154.687	143.851	3.047.386	87,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 112 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 112 đợt
48	Long An	3.697.840	1.489.878	1.430.784	0	678	454	165.588	134.266	3.221.648	87,1%
49	Lâm Đồng	2.512.794	967.167	928.027	0	17.895	42.689	132.410	104.408	2.192.596	87,3%
50	Tây Ninh	2.432.350	866.838	808.142	10.161	8.430	98.816	87.955	84.176	1.964.518	80,8%
51	Cần Thơ	2.472.938	917.468	1.004.457	5.815	0	0	104.007	40.241	2.071.988	83,8%
52	Sóc Trăng	2.487.850	887.380	774.990	0	0	0	109.271	78.429	1.850.070	74,4%
53	An Giang	3.628.572	1.349.235	1.321.568	179.916	67.272	30.941	195.004	150.913	3.294.849	90,8%
54	Bến Tre	2.501.940	988.362	940.254	0	69.186	103.287	105.733	86.038	2.292.860	91,6%
55	Trà Vinh	1.800.180	787.383	576.883	0	1.154	19.750	85.371	78.647	1.549.188	86,1%
56	Vĩnh Long	2.065.900	767.369	736.781	0	28.256	53.053	91.090	86.254	1.762.803	85,3%
57	Đồng Tháp	3.225.040	1.237.772	1.176.431	148	92.018	59.989	142.544	103.016	2.811.918	87,2%
58	Bình Dương	5.605.070	2.379.843	1.878.323	0	0	31.352	175.857	131.977	4.597.352	82,0%
59	Bình Phước	1.950.140	749.756	719.893	0	0	0	106.886	29.782	1.606.317	82,4%
60	Kiên Giang	3.406.770	1.225.185	1.106.859	49.652	0	0	137.974	73.734	2.593.404	76,1%
61	Cà Mau	2.089.840	759.971	827.655	0	0	0	113.123	111.736	1.812.485	86,7%
62	Bạc Liêu	1.674.100	563.975	547.678	0	37.665	55.317	87.994	83.649	1.376.278	82,2%
63	Hậu Giang	1.417.010	529.829	493.192	0	0	0	74.042	68.697	1.165.760	82,3%
Cộng miền Nam		72.796.824	28.829.965	26.218.031	381.674	572.036	1.177.105	3.029.976	2.384.409	62.593.196	86,0%

Ghi chú:

- 12,3 triệu liều vắc xin đợt 105-110 mới có Quyết định phân bổ ngày 20-21/12/2021; 8,3 triệu liều vắc xin đợt 111-112 mới có Quyết định phân bổ ngày 27/12/2021 các địa phương, đơn vị đang tiếp nhận vắc xin => tỷ lệ sử dụng vắc xin/số vắc xin phân bổ của một số tỉnh, thành phố được phân bổ nhiều vắc xin các đợt này thấp.
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 57.930 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.296.330 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.103.500 liều, trong đó có 574.889 mũi 1, 517.889 mũi 2 và 11.043 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,13 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.132.680 liều (315.600 liều vắc xin Pfizer mới được phân bổ ngày 21/12/2021), đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 103.600 liều, trong đó có 57.716 mũi 1, 37.735 mũi 2 và 8.149 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 791.000 liều)

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 29/12/2021)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	6.200.000	778.075	98,7%	93,8%	1,6%	87,1%	57,1%
2	Hải Phòng	1.580.000	184.643	100,0%	100,0%	0,1%	80,0%	13,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 12-17 tuổi
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	91,7%	86,8%	3,3%	98,6%	73,2%
4	Nam Định	1.272.614	122.612	88,6%	85,1%	0,0%	44,0%	0,0%
5	Hà Nam	612.219	66.512	94,1%	91,7%	0,5%	100,0%	100,0%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	93,4%	1,0%	100,0%	94,0%
7	Thanh Hoá	2.605.729	417.252	91,6%	82,5%	0,0%	58,6%	0,6%
8	Bắc Giang	1.267.538	145.967	100,0%	88,3%	2,4%	97,6%	49,3%
9	Bắc Ninh	985.257	128.062	100,0%	100,0%	3,2%	89,5%	80,1%
10	Phú Thọ	1.029.489	150.531	93,6%	83,4%	0,1%	82,6%	41,7%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.311.799	166.013	92,2%	73,9%	2,2%	38,8%	0,0%
13	Hưng Yên	935.528	112.803	86,7%	81,7%	0,2%	93,4%	66,9%
14	Thái Nguyên	938.660	100.121	97,6%	75,7%	3,8%	104,6%	0,0%
15	Bắc Cạn	222.390	26.584	92,5%	80,2%	0,0%	74,5%	7,6%
16	Quảng Ninh	1.013.446	118.979	95,9%	90,5%	3,2%	100,0%	92,7%
17	Hoà Bình	570.146	80.462	91,8%	78,7%	0,0%	91,7%	36,7%
18	Nghệ An	1.960.668	316.527	98,3%	90,6%	6,4%	88,8%	2,6%
19	Hà Tĩnh	892.702	122.133	89,0%	77,1%	7,4%	91,3%	24,5%
20	Lai Châu	282.600	58.294	88,9%	83,8%	6,1%	85,9%	74,9%
21	Lạng Sơn	558.242	72.812	87,3%	84,9%	5,6%	90,0%	84,1%
22	Tuyên Quang	535.735	71.916	100,0%	84,4%	3,7%	1,9%	37,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 12-17 tuổi
23	Hà Giang	503.846	105.690	93,6%	82,3%	1,6%	76,0%	36,7%
24	Cao Bằng	368.973	46.352	88,5%	76,0%	4,6%	92,3%	77,5%
25	Yên Bái	510.271	79.369	97,4%	93,3%	0,0%	96,0%	63,8%
26	Lào Cai	476.939	87.148	100,0%	86,2%	3,7%	31,9%	72,8%
27	Sơn La	792.702	149.636	95,6%	68,3%	1,5%	57,3%	20,0%
28	Điện Biên	336.229	74.955	97,1%	79,1%	0,0%	76,2%	1,8%
Cộng miền Bắc		30.484.634	4.142.035	96,1%	86,8%	2,1%	78,0%	37,9%
29	Quảng Bình	611.974	84.194	85,3%	79,4%	0,0%	73,9%	13,4%
30	Quảng Trị	463.442	69.712	91,5%	85,3%	0,3%	43,0%	11,5%
31	TT- Huế	779.911	93.101	99,4%	91,6%	0,9%	100,0%	91,7%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	100.000	96,9%	90,7%	0,0%	99,9%	96,2%
33	Quảng Nam	1.095.712	127.769	93,7%	87,0%	0,1%	78,6%	0,1%
34	Quảng Ngãi	883.502	134.241	93,2%	83,5%	0,0%	52,8%	0,4%
35	Bình Định	1.110.818	153.866	92,6%	79,9%	0,2%	56,0%	0,0%
36	Phú Yên	616.333	86.632	99,6%	90,9%	0,0%	94,7%	27,5%
37	Khánh Hòa	901.731	113.994	100,0%	100,0%	2,4%	100,0%	92,8%
38	Ninh Thuận	428.346	62.771	99,8%	90,2%	5,3%	92,7%	78,8%
39	Bình Thuận	865.494	114.389	100,0%	90,9%	0,6%	46,7%	30,6%
Cộng miền Trung		8.642.333	1.140.669	96,8%	88,2%	0,7%	75,2%	36,4%
40	Kon Tum	338.741	65.900	94,1%	82,4%	0,0%	72,6%	3,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 12-17 tuổi
41	Gia Lai	950.154	165.730	96,8%	76,2%	0,1%	89,3%	23,4%
42	Đắk Lắk	1.263.947	198.799	96,8%	83,2%	0,0%	84,0%	0,6%
43	Đắk Nông	404.872	68.900	98,8%	95,7%	0,0%	97,8%	74,7%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	499.329	96,8%	82,6%	0,0%	86,2%	18,8%
44	TP. HCM	7.208.800	742.368	100,0%	90,5%	8,6%	91,0%	83,5%
45	BR-VT	891.244	117.755	100,0%	96,4%	0,0%	92,1%	40,6%
46	Đồng Nai	2.384.309	295.738	100,0%	97,0%	0,8%	59,6%	42,9%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.825	100,0%	95,9%	3,3%	100,0%	90,6%
48	Long An	1.361.733	167.662	100,0%	100,0%	0,0%	98,8%	80,1%
49	Lâm Đồng	901.167	132.000	100,0%	100,0%	4,7%	100,3%	79,1%
50	Tây Ninh	977.624	88.220	88,7%	82,7%	10,1%	99,7%	95,4%
51	Cần Thơ	941.769	100.509	100,0%	100,0%	0,0%	100,0%	40,0%
52	Sóc Trăng	861.361	110.630	100,0%	90,0%	0,0%	98,8%	70,9%
53	An Giang	1.457.127	188.268	92,6%	90,7%	2,1%	100,0%	80,2%
54	Bến Tre	980.652	104.446	100,0%	95,9%	10,5%	100,0%	82,4%
55	Trà Vinh	734.794	87.422	100,0%	78,5%	2,7%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	87.313	99,8%	95,8%	6,9%	100,0%	98,8%
57	Đồng Tháp	1.181.264	155.495	100,0%	99,6%	5,1%	91,7%	66,3%
58	Bình Dương	2.381.252	150.950	99,9%	78,9%	1,3%	100,0%	87,4%
59	Bình Phước	758.594	131.058	98,8%	94,9%	0,0%	81,6%	22,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản/dân số từ 12-17 tuổi
60	Kiên Giang	1.248.338	189.132	98,1%	88,7%	0,0%	73,0%	39,0%
61	Cà Mau	857.571	142.451	88,6%	96,5%	0,0%	79,4%	78,4%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,5%	95,7%	9,7%	96,9%	92,1%
63	Hậu Giang	536.163	70.423	98,8%	92,0%	0,0%	100,0%	97,5%
Cộng miền Nam		28.305.977	3.311.487	100,0%	92,6%	4,2%	91,5%	72,0%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 29/12/2021 đến 16h00 ngày 30/12/2021:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.667 lượt người (nhập cảnh: 1.671, xuất cảnh: 1.996).
- + Tuyến VN-TQ: 978 lượt người (nhập cảnh: 377, xuất cảnh: 601).
- + Tuyến VN-Lào: 2.381 lượt người (nhập cảnh 1.180, xuất cảnh: 1.201).
- + Tuyến VN-CPC: 308 lượt người (nhập cảnh 114; xuất cảnh: 194).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 348 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 210 người (VN-TQ: 11, VN-Lào: 106, VN-CPC: 93).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 59 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 01, VN-CPC: 56).
 - + Số người trao trả: 79 người (VN-TQ: 78; VN-Lào: 01, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 26/12/2021 tới ngày 27/12/2021:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.048 lượt người (nhập cảnh: 727 lượt người; xuất cảnh: 321 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.796 lượt người (nhập cảnh: 1.055 lượt người; xuất cảnh: 741 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 30/12, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 67 tin/bài tiếng Việt; 95 ảnh trong nước và quốc tế; 23 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19; Bộ Y tế điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN cập nhật chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch, nhất là với nguy cơ xuất hiện biến chủng mới Omicron; đẩy mạnh vaccine phòng bệnh cho toàn dân; cập nhật tình hình dịch bệnh, các quy định nới lỏng giãn cách, khôi phục kinh tế, nhất là nối lại giao thông liên tỉnh; phản ánh nỗ lực của các địa phương trong công tác ứng phó dịch gia tăng; tiếp tục khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch; thực hiện tốt hướng dẫn của ngành y tế để phòng chống dịch bệnh COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh với một số thông tin đáng chú ý: Nhiều

nước châu Âu và châu Mỹ ghi nhận số ca nhiễm mới trong 24 giờ cao nhất từ trước tới nay; Thái Lan yêu cầu viên chức làm việc tại nhà sau kỳ nghỉ đầu Năm mới; Campuchia xem xét áp dụng cách ly bắt buộc với lao động nhập cảnh từ Thái Lan; Cuba đẩy nhanh tiến độ tiêm liều tăng cường; WHO dự báo về giai đoạn “cấp tính” của đại dịch COVID-19 có thể kết thúc trong năm 2022...

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 29/12, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.723.000 cuộc gọi (ngày 28/12 đã tiếp nhận và xử lý gần 15 nghìn cuộc gọi).

18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12
11491	10020	12718	12515	15779	13.999	13231	11819	11729	15339	14768

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5 – 28/12 đã tiếp nhận hơn 308 nghìn cuộc (ngày 28/12 đã tiếp nhận 102 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5 – 28/12 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11- 28/12 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12
Cuộc gọi đến	134	125	164	161	132	154	110	115	107	102

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 32.682.044 (+100 ngàn so với 28/12, tăng 17.049 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,07% dân số, 49,01% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.610.984 điểm đăng ký

+ 243.366 điểm ghi nhận hoạt động.

2.2 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 148.198.861

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 141.773.500
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,66%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sở sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.239.991
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.3 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 12.593.011 (tăng 81.970 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 81.970 người

Bắc Giang 41.337

Hà Nội 8.770

Đồng Nai 7.541

Thừa Thiên Huế 10.084

Quảng Bình 5.027

Yên Bái 2.554

Cà Mau 1.108

Bắc Ninh 1.840

Thái Nguyên 913

An Giang 476

Đồng Tháp 415

Vĩnh Phúc 832

Sóc Trăng 340

Khánh Hòa 138

Bình Dương 85

Bình Phước 409

Tây Ninh 70

Lào Cai 19

Đắk Nông 9

Hà Giang 3

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 4.674.891 (tăng 49.496 người)

Quảng Ninh 1.197

Hải Dương 301

Bình Thuận 23
 Bãi Cháy 92
 TPHCM 2.362
 Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 514
 Bình Định 2
 Yên Bái 665
 Lào Cai 11
 Thái Nguyên 82
 Bệnh viện 74 Trưng vương 1
 An Giang 179
 Bắc Giang 32.603
 Bắc Ninh 1.223
 Bình Dương 38
 Bình Phước 7
 Cà Mau 334
 Đồng Nai 2.028
 Đồng Tháp 34
 Hà Nội 1.017
 Khánh Hòa 330
 Quảng Bình 1245
 Sóc Trăng 164
 Tây Ninh 17
 Thừa Thiên Huế 976
 Tiền Giang 383
 Vĩnh Phúc 803
 TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ 3
 CENTER LAB VIỆT NAM 5
 Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 134
 Bệnh viện sản nhi TWG Long An 23
 Trung tâm ứng dụng tiến KHCN 1
 SOVICO 1.731
 Bệnh viện Hồng Ngọc 967
 Bệnh viện đa khoa Hà Đông 1

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...